

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 09-4-2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Võ Tấn Nga.

2/. Ông Nguyễn Thành Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2018 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Minh A.**

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Văn P.**

2/ Bà **Võ Thị V**

Cùng địa chỉ: ấp M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1/ Ông **Nguyễn Tấn T**

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông **Nguyễn Quốc T**

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện 20/3/2018 và khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Minh A, trình bày:

Ông A có cho ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị V vay nhiều lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng, các lần vay đều có làm biên nhận và ông P, bà V đều ký nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, có khi là 10%/tháng. Tuy nhiên, có biên nhận ghi lãi suất, có biên nhận không ghi cụ thể:

Lần 01 ngày 05/3/2017 ă vay số tiền là 60.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, biên nhận này chỉ một mình ông P ký tên;

Lần 02 ngày 09/5/2017 ă vay số tiền là 60.000.000 không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, trong biên nhận có chữ ký của ông P và bà V;

Lần 03 ngày 09/7/2017 ă vay số tiền là 60.000.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, biên nhận này chỉ một mình ông P ký tên. Biên nhận ghi nhầm ngày 9-7-2018 mà đúng là ngày 09-7-2017 ă;

Lần 04 ngày 01/11/2017 ă vay số tiền là 80.000.000 đồng lãi suất là 10%/tháng thỏa thuận đến ngày 25/12/2017 ă sẽ trả đủ số tiền vay, biên nhận có bà V và ông P ký tên.

Ông A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông P và bà V trả nợ nhưng đến nay thì phía ông P và bà V cũng không trả vốn và lãi cho ông. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị V trả tiền vốn là 260.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì biên nhận nào có ghi thỏa thuận tiền lãi thì yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, đối với biên nhận không có thỏa tính lãi thì không yêu cầu.

- Tại biên bản khai ngày 19/6/2018 bị đơn bà Võ Thị V trình bày:

Ông P là chồng bà có vay tiền của ông A như thế nào bà không biết. Đối với chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 01/11/2017 ă là của ông P, còn tên V không phải chữ ký của bà mà do ông P tự ghi nên bà không yêu cầu giám định; Đối với biên nhận vay ngày 05/3/2017 ă không phải chữ ký của ông P; Đối với biên nhận vay ngày 09/5/2017 ă chữ ký và chữ viết là của ông P, còn chữ ký tên V là của bà; Đối với biên nhận vay ngày 09/7/2018 không phải chữ ký và chữ viết của ông P. Nay ông A yêu cầu trả tiền vốn và tiền lãi thì bà không ý kiến mà chờ ý kiến của ông P vì bà không biết ông P vay của ông A bao nhiêu tiền, thỏa thuận lãi suất như thế và vay nhằm mục đích gì.

- Bị đơn Nguyễn Văn P vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa

vụ án ra xét xử. Tuy nhiên phía ông P vẫn cố tình vắng mặt cũng như không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do vụ án có nhiều tính tiết phức tạp, bị đơn không có mặt, Tòa án phải tổng đạt nhiều lần nên vụ án có kéo dài nhưng không vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Về phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự thực hiện đúng quyên và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn lãi 260.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định đối với biên nhận có thỏa thuận lãi. Nguyên đơn đã cung cấp được cho Tòa án 04 biên nhận vay với tổng số tiền nêu trên. Đối với 04 biên nhận thì có 02 biên nhận bị đơn V cho rằng không phải chữ ký và chữ viết của ông P. Tuy nhiên, bà V không phản đối với số tiền vay mà nguyên đơn yêu cầu, vì bà không biết ông P vay của ông A bao nhiêu tiền và lãi suất như thế nào. Đối với bị đơn P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có biên bản thể hiện ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn là từ bỏ quyền của mình theo quy định khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà V là vợ ông P và biết việc vay tiền này, đồng thời số tiền ông P vay để kinh doanh phục vụ gia đình nên cần buộc bà V có trách nhiệm với ông P đối với số nợ này. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Nguyễn Văn P và Võ Thị V trả số tiền vay là 260.000.000 đồng, đối lãi suất yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi tiền vay nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Thạnh Trị nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Nguyễn Văn P, bà Võ Thị V và những người làm chứng ông Nguyễn Tấn T, Nguyễn Quốc T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng phía bị đơn và những người làm chứng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn và những người làm chứng nêu trên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần nội dung đơn khởi kiện là chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay là 80.000.000 đồng, biên nhận ngày 01/11/2017 âm (âm lịch) theo quy định của pháp luật. Đối với 03 biên nhận còn lại với tổng số tiền là 180.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Lý do, trong 03 biên nhận không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nên không yêu cầu. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[4] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo 04 biên nhận với tổng số tiền là 260.000.000 đồng. Bị đơn bà V thừa nhận ông P chồng bà có vay tiền của ông A nhưng không biết vay bao nhiêu nên chờ ý kiến ông P, đối với bị đơn P vắng mặt không có ý kiến. Xét thấy, Nguyên đơn cung cấp 04 biên nhận thể hiện việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn cụ thể:

[5] Biên nhận ngày 09/5/2017 âm vay số tiền là 60.000.000 và biên nhận ngày 01/11/2017 âm vay số tiền là 80.000.000 đồng. Trong hai biên nhận này có chữ ký của ông P và bà V. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 (BL 33-34) bà V thừa nhận đây là chữ ký và chữ viết của ông P. Đối với chữ ký tên V bà thừa nhận có ký tên vào một biên nhận, còn biên nhận còn lại (ngày 01/11/2017 âm) là do ông P ghi nên bà không yêu cầu giám định nên có cơ sở xác định phía bị đơn có vay tiền của nguyên đơn theo hai biên nhận này với tổng số tiền là 140.000.000 đồng.

[6] Đối với biên nhận ngày 05/3/2017 âm vay số tiền là 60.000.000 đồng và biên nhận ngày 9/7/2018 vay số tiền là 60.000.000 đồng. Hai biên nhận này chỉ một mình ông P ký tên. Xét về hình thức biên nhận ghi ngày 9/7/2018, thì thấy: nguyên đơn làm đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và có yêu cầu đối với số tiền theo biên nhận này, đến ngày 13/6/2018 thì nguyên đơn đã nộp bản chính cho Tòa án, nghĩa là biên nhận có trước ngày 09/7/2018 nên việc nguyên đơn trình bày là ghi nhầm ngày 09/7/2017 âm thành ngày 9/7/2018 là có cơ sở. Đối với nội dung của 02 biên nhận thì thấy: tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2018 (BL 33-34) mặc dù bà V không thừa nhận đây là chữ ký và chữ viết của ông P nhưng bà cũng không phản đối hay có ý kiến gì về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu, theo bà V thì chồng bà là ông P có vay tiền của ông A nhưng không biết vay bao nhiêu nên chờ ý kiến của ông P. Đối với ông P Tòa án đã tổng đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo kết quả mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại thì phía ông P vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh của mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 và khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xác định phía bị đơn có vay tiền của nguyên đơn theo hai biên nhận này với tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

[7] Ngoài ra, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng phù hợp với lời khai của

người làm chứng là ông Nguyễn Quốc T, theo tờ tường trình ngày 01/2/2019 (BL 51) ông T trình bày “ngày 25/12/2017 ă ông có chở ông A đến nhà của ông P và bà V để lấy số tiền mà ông P đã nợ là 260.000.000 đồng, ông P và A tính với nhau theo giấy tờ, với sự chứng kiến của ông, ông P đã đồng ý trả vốn và lãi nhưng hẹn ngày 30/12/2017 ă trả và đến ngày thì ông và A đến nhưng ông P lại hẹn ngày 04/01/2018 ă”. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 260.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[8] Xét yêu cầu trả lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cho rằng khi cho bị đơn vay có thỏa thuận lãi, nhưng một số biên nhận không ghi thỏa thuận lãi chỉ có một biên nhận ghi, nên ông yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất theo quy định để tính cho đến khi xét xử sơ thẩm đối với biên nhận có thỏa thuận, đối với biên nhận không thỏa thuận lãi ông không yêu cầu tính lãi. Xét thấy: Đối với biên nhận ngày 01/11/2017 (ă) vay số tiền là 80.000.000 đồng lãi suất là 10%/tháng thỏa thuận đến ngày 25/12/2017 ă sẽ trả tiền vay. Xét thấy, phía bị đơn không có chứng minh là đã trả lãi và nợ gốc cho nguyên đơn theo như thỏa thuận. Do đó, đối với việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức lãi suất trong biên nhận các bên có thỏa thuận lãi suất 10%/tháng là cao nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật dân sự để tính lãi suất cụ thể: Lãi suất từ ngày 01/11/2017 âm lịch (nhằm ngày 18/12/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2019) = 15 tháng 21 ngày x 1.66%/tháng x 80.000.000 = 20.849.600 đồng.

+ Đối với 03 biên nhận tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Theo nội dung biên nhận thì các bên không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ gốc, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay này là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần lãi đối với khoản nợ vay này.

[11] Mối quan hệ giữa Nguyễn Văn P và Võ Thị V là vợ, chồng cư trú ổn định tại ấp M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà V cũng biết việc ông P vay tiền của ông A và cùng ký tên vào một biên nhận, đồng thời số tiền ông P vay để kinh doanh phát triển kinh tế phục vụ nhu cầu cuộc sống, sinh hoạt trong gia đình nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P và bà V có trách nhiệm cùng trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[12] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 192, tờ bản đồ số 07, diện tích 8.339 m², tọa lạc ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do hộ ông Lê Minh T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị cấp ngày 26/9/1996 và tờ cổ đất

ngày 19/9/2000 giữa Nguyễn Văn P và Võ Thị V với Lê Minh T và bà Nguyễn Thị T. Theo nguyên đơn trình bày là do bị đơn đưa để thế chấp vay tiền. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu xem xét giải quyết, chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ còn các giấy tờ này nguyên đơn đồng ý trả lại bị đơn. Xét thấy, các giấy tờ nêu trên không có liên quan đến vụ án và phía nguyên đơn cũng đồng ý trả lại cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[13] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Lê Minh A và lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc buộc các bị đơn Nguyễn Văn P và Võ Thị V trả tiền vốn vay 260.000.000 đồng, tiền lãi đối với khoản vay 80.000.000 đồng theo biên nhận ngày 01/11/2017 âm (nhằm ngày 18/12/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (09/4/2019) là 20.849.600 đồng, tổng cộng buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn Lê Minh A số tiền 280.849.600 đồng là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 280.849.600 đồng x 5% = 14.042.480 đồng theo qui định của pháp luật khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 184; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463; Điều 466, Khoản 1 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh A.

1. Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị V có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn vay và tiền lãi suất (tiền vốn 260.000.000 đồng + tiền lãi 20.849.600 đồng) tổng cộng là: 280.849.600 đồng (hai trăm tám mươi triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm đồng) cho nguyên đơn Lê Minh A

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm được qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: các bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị V có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.042.480 đồng (mười bốn triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi đồng).

Nguyên đơn Lê Minh A không phải chịu án phí và được nhận lại tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.313.219 đồng theo các biên lai thu tiền số 0009168 ngày 02/4/2018 và biên lai số 0003312 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Phước Toàn